

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 89/2022/DS-ST

Ngày 15 – 4 – 2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đất – Là Thẩm tra viên

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên
tòa:** Ông Hồ Thanh Sang – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 338/2021/TLST DS, ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng V, sinh năm: 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Ông Châu Quốc D, sinh năm 1977 - Chủ DNTN D

Địa chỉ: số 63, đường H, khóm 4, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông Châu Quốc D: ông Đặng Minh H, sinh năm: 1980, địa chỉ: số 24 đường B, khóm 5, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 07/12/2021). (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Bùi Thu O, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số 05, đường P, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2/ Ông Võ Thanh Đ, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn là ông Nguyễn Hùng V trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Ông và bà Bùi Thu O đã ly hôn với nhau vào năm 2010 theo bản án số 129/2010/HNGĐ-ST ngày 18/8/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Khi ly hôn, tài sản chung do ông và bà O tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ năm 2012 đến khoảng năm 2016, ông và bà sống chung lại với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy sống chung nhưng ông có thu nhập riêng

và có tài sản riêng. Đến năm 2013, ông mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH150i với giá 183.000.000 đồng bằng khoản tiền riêng của ông. Đến năm 2017, ông đi đăng ký và được cấp biển số xe 69E1-088.88 cho ông đứng tên.

Từ năm 2016, ông về Vĩnh Long sinh sống nhưng ông để xe tại nhà số 05 đường P, khóm 5, phường 1, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau và khóa lại bằng dây xích, khi nào về Cà Mau thì ông lấy sử dụng. Vào khoảng tháng 7 năm 2020, lúc ông đang ở Vĩnh Long, bà O tự ý lấy xe này của ông đi cầm cho ông Châu Quốc D với giá là 190.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố tài sản ngày 10/7/2020. Việc bà O cầm cố xe để vay tiền ông không hay biết. Khi về Cà Mau, ông mới phát hiện bị mất xe nên có gửi đơn đến Công an Phường 1 thành phố Cà Mau trình báo, sau đó Công an thành phố Cà Mau đã ra Quyết định không khởi tố vụ án số 08 ngày 25/12/2020, đến ngày 04/7/2021, ông nhận Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm của Công an. Ông không đồng ý giá trị chiếc xe theo kết luận định giá trong tố tụng hình sự là 135.000.000 đồng, ông cũng không biết được giá trị xe trên thị trường hiện nay là bao nhiêu.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH150i biển số 69E1 – 088.88 đứng tên đăng ký Nguyễn Hùng V là tài sản của ông, bà O tự ý mang xe đi cầm cố cho ông D mà không có ý kiến của ông nên ông yêu cầu ông D trả lại xe cho ông. Đối với việc cầm cố tài sản để vay tiền giữa bà O và ông D, ông không có liên quan nên không chịu trách nhiệm.

Tại bản tự khai của ông Châu Quốc D và trình bày của Người đại diện hợp pháp của ông Châu Quốc D trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Vào ngày 10/7/2020, cửa hàng của ông Châu Quốc D có nhận cầm cố tài sản gồm một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH150i, biển số 69E1-088.88 và giấy tờ xe đứng tên Nguyễn Hùng V, giấy chứng minh nhân dân đứng tên bà O và đứng tên ông V (bản photo) để cho bà O nhận vay 190.000.000đ và thỏa thuận lãi 3%/tháng, thời hạn cầm cố là 30 ngày, nếu sau 30 ngày không đóng lãi gia hạn thì chiếc xe thuộc về sở hữu của ông D. Việc cầm cố có lập hợp đồng cầm cố ngày 10/7/2020. Bà O là người trực tiếp đi cầm cố xe và đứng tên hợp đồng cầm cố và nhận tiền. Từ khi cầm cố tài sản cho đến nay, bà O không đóng lãi theo thỏa thuận và đã hết thời gian cầm cố mà bà O không chuộc lại nên hợp đồng cầm cố trên đã thực hiện xong, xe được thanh lý theo hợp đồng cầm cố đã thỏa thuận nên thuộc sở hữu của ông D. Vào khoảng tháng 3 năm 2021, ông D đã tặng cho chiếc xe nói trên cho em của ông D là ông Võ Thanh Đ, cũng là người quản lý của hàng xe của ông D.

Nay ông Châu Quốc D không đồng ý trả lại xe theo yêu cầu của ông Nguyễn Hùng V, vì khi ly hôn, tài sản chung của vợ chồng ông D và bà O chưa chia, chiếc xe mua năm 2013 là khoảng thời gian ông V và bà O sống chung như vợ chồng, nguồn tiền mua xe xuất phát từ khối tài sản chung chưa chia nên chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng bà O và ông V. Bà O không thực hiện đúng hợp đồng, không trả lãi, không trả vốn, nên xe thuộc sở hữu của ông D, và thực tế hiện nay ông D không còn quản lý, sử dụng xe nên ông D không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cầm cố vay tiền giữa ông và bà O. Hiện nay ông không xác định được chính xác giá trị chiếc xe theo giá thị trường là bao nhiêu tiền, nhưng do quen biết nên ông D cầm với giá 190.000.0000 đồng.

Tại bản tự khai và trình bày của bà Bùi Thu O trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Bà và ông V đã ly hôn với nhau vào năm 2010 theo bản án số 129/2010/HNGĐ-ST ngày 18/8/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Khi ly hôn, tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ năm 2012 đến khoảng năm 2016, ông bà sống chung lại với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, trong thời gian này, ông V có thu nhập và tài riêng. Khoảng năm 2013, ông V mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH150i, biển số 69E1-08888 bằng tiền riêng của ông V, đến năm 2017, ông V đi đăng ký xe đứng tên ông V. Đến khoảng năm 2016 thì ông bà chia tay, bà và các con ở lại Cà Mau còn ông V về Vĩnh Long sinh sống. Ông V có để lại chiếc xe nói trên ở nhà số 05 đường P, khóm 5, phường 1, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau và khóa lại bằng dây xích để khi nào về Cà Mau thì ông lấy sử dụng. Do cuộc sống khó khăn, để có tiền lo cho gia đình, khi ông V về Vĩnh Long, bà đã giấu ông V, tự thuê thợ làm chìa khóa khác để lấy xe đi cầm nhiều lần.

Trong đó, bà có cầm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH150i, biển số 69E1-08888 và giấy tờ đăng ký xe đứng tên Nguyễn Hùng V (bản gốc), giấy chứng minh photo của bà cho ông Châu Quốc D để vay tiền nhiều lần, lần cuối cùng vào tháng 7/2020, không nhớ cụ thể ngày nào. Việc vay tiền và cầm cố có lập hợp đồng, nội dung hợp đồng thỏa thuận bà vay 190.000.000đ và lãi suất 3%/tháng, đóng lãi trong thời hạn 30 ngày, đóng trễ thì được gia hạn. Hợp đồng cầm cố đứng tên là Nguyễn Hùng V nhưng bà là người trực tiếp vay tiền, nhận tiền, cầm cố tài sản và ký tên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà chưa trả được khoản vốn nào, không nhớ đã đóng lãi được bao nhiêu, nhưng bà ngưng đóng lãi từ tháng 8/2020 đến nay do Công an thành phố Cà Mau đang giải quyết tin báo tội phạm của ông V.

Bà không xác định được giá trị của chiếc xe theo giá thị trường, nhưng do xe có giá trị cao nên bà mới cầm được với giá 190.000.000 đồng. Việc cầm cố xe để vay tiền giữa bà và ông D, ông V không biết và không có liên quan nên bà yêu cầu ông D cho bà trả lại tiền vốn 190.000.000 đồng, bà xin không trả phần lãi và được nhận lại xe từ ông D.

Tại bản biên bản ghi lời khai của anh Võ Thanh Đ trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Khoảng tháng 11 năm 2019, do gia đình có việc riêng nên ông xin tạm nghỉ về quê nhà ở ấp C, xã M, huyện Măng Thít để lo việc nhà. Qua tết, ông gọi điện cho ông D xin nghỉ làm luôn thì ông D ngỏ ý cho ông chiếc xe SH150i, biển số 69E1-088.88, số máy KF08E10985916E1, số khung ZDCKF10BOBF127595, và có nói khi nào cần thì ông xuống lấy xe rồi làm hợp đồng luôn. Sau đó ông xuống lấy xe về sử dụng, nhưng chưa làm hợp đồng do sợ sang tên thì mất biển số đẹp. Do kinh tế khó khăn nên ông đã bán lại chiếc xe cho người tên C, không biết địa

chỉ với giá 98 triệu đồng. Khi bán đôi bên có làm giấy tay và trao đổi số điện thoại cho nhau, nhưng sau đó ông bị hư điện thoại nên đã mất số.

Vì bận đi làm, đường xa nên ông yêu cầu giải quyết vắng mặt ông trong tất cả các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử và các giai đoạn tố tụng khác nếu có.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng V. Tuyên bố hợp đồng cầm cố tài sản giữa ông Châu Quốc D và bà Bùi Thu O vô hiệu. Buộc ông Châu Quốc D trả lại cho ông Nguyễn Hùng V chiếc xe SH150I biển số 69E1 – 088.88 đứng tên chủ xe là Nguyễn Hùng V giá trị bằng tiền là 190.000.000đ. Buộc ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Võ Thanh Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp đòi lại tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng V về việc yêu cầu ông Châu Quốc D trả lại chiếc xe mô tô hiệu SH150I, biển số 69E1 – 088.88, xét thấy, căn cứ vào bản án số 129/2010/HNGĐ-ST, ngày 18/8/2010, của Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau về việc cho ông Nguyễn Hùng V và bà Bùi Thu O ly hôn với nhau và Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 15/9/2020 của Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Cà Mau (bút lục số 101) cho thấy, mặc dù sau khi ly hôn, ông V và bà O có sống chung như vợ chồng một thời gian, nhưng xe biển số 69E1 – 088.88, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại SH150I màu sơn trắng đen, dung tích xi lanh 152, số máy KF08E1098591K..., số khung ZDCKF10B0...7565, số ngồi 2, sản xuất năm 2011, đăng ký mới ngày 06/01/2017, đăng ký lần đầu ngày 18/12/2012, được ông V mua và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên Nguyễn Hùng V nên xác định xe này là tài sản thuộc quyền sở hữu riêng của ông Nguyễn Hùng V.

Việc bà Bùi Thu O không phải là chủ sở hữu của chiếc xe nêu trên mà tự ý mang xe này cầm cố cho ông Châu Quốc D, là chủ DNTN D theo hợp đồng cầm cố ngày 10/7/2020 (bút lục số 96) để nhận số tiền 190.000.000đ mà không có sự đồng ý của ông V, ông D biết xe không phải là của bà O nhưng vẫn nhận cầm cố là trái qui định của pháp luật về cầm cố tài sản được quy định tại Điều 295 và Điều 309 Bộ Luật dân sự, vì vậy hợp đồng cầm cố ngày 10/7/2020 giữa bà O và ông D

bị vô hiệu theo quy định tại Điều 122 Bộ Luật dân sự, ông V khởi kiện yêu cầu trả lại chiếc xe nói trên là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với chiếc xe nhãn hiệu Honda biển số 69E1 – 088.88 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe là Nguyễn Hùng V, xét thấy, bà O mang xe cầm cố cho ông D, là chủ DNTN D. Ngày 20/8/2020, Công an Phường 1 Thành phố Cà Mau tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của ông Nguyễn Hùng V. Ngày 25/12/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 08. Ngày 20/4/2021, Viện kiểm sát thành phố Cà Mau ban hành Công văn số 68/CV-VKS về việc kiểm sát Quyết định không khởi tố vụ án hình sự có nội dung thống nhất với quan điểm không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau và yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Cà Mau thông báo việc không khởi tố vụ án hình sự cho các bên liên quan biết. Ngày 04/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau giao thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm cho ông Nguyễn Hùng V (Bút lục số 118, 117, 158). Như vậy, người đại diện hợp pháp của ông D cho rằng được cơ quan Công an thông báo không khởi tố vụ án vào cuối tháng 12 năm 2020 là không có cơ sở chấp nhận.

Mặt khác, trong quá trình xem xét tin báo tội phạm của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau, ông D khai đang quản lý và bảo quản xe tại nhà, đợi cơ quan Công an giải quyết vụ việc, đồng thời cam kết với cơ quan điều tra sẽ không cầm cố, sang bán hay chuyển nhượng cho bất kỳ ai về chiếc xe nếu không được phép của cơ quan điều tra (Bút lục số 79, 63). Nhưng vào khoảng tháng 3 năm 2021, ông D lại tặng cho chiếc xe nêu trên cho ông Võ Thanh Đ (Bút lục số 123) và ông Đ đã bán lại cho người tên C, không rõ địa chỉ cụ thể. Như vậy, ông D đã biết rõ chiếc xe này đang có tranh chấp, trong thời gian Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau đang giải quyết vụ việc, ông D vẫn cố ý chuyển quyền sở hữu chiếc xe không thuộc sở hữu của mình cho người khác nhằm tẩu tán tài sản tranh chấp nên ông D phải chịu trách nhiệm đối với cam kết và hành vi mà mình đã thực hiện. Do đó ông D phải có trách nhiệm giao lại chiếc xe cho ông V. Trường hợp trong quá trình ông D quản lý, bảo quản xe, chiếc xe bị hư hỏng, thiệt hại thì ông V có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường bằng vụ án dân sự khác theo quy định.

[5] Đối với hợp đồng cầm cố giữa bà O và ông D, xét thấy, hiện nay ông D không yêu cầu giải quyết hợp đồng cầm cố trong vụ án này, còn bà O có yêu cầu ông D cho bà trả lại tiền vốn 190.000.000 đồng, xin không trả phần lãi và được nhận lại xe từ ông D nhưng lại không thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự cho nên không xem xét trong vụ án này, ông D và bà O có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: ông D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 166, 295, 309 của Bộ luật Dân sự;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng V.

Buộc ông Châu Quốc D – Chủ DNTN D trả lại cho ông Nguyễn Hùng V chiếc xe mô tô biển số 69E1 – 088.88 do ông Nguyễn Hùng V đứng tên giấy chứng nhận đăng ký, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại SH150I màu sơn trắng đen, dung tích xi lanh 152, số máy KF08E1098591K..., số khung ZDCKF10B0...7565, số ngồi 2, sản xuất năm 2011, đăng ký mới ngày 06/01/2017, đăng ký lần đầu ngày 18/12/2012.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Châu Quốc D – Chủ DNTN D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.750.000đ (chưa nộp).

Ông Nguyễn Hùng V không phải nộp. Ông V được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí 5.000.000 đồng vào ngày 06/7/2021, theo biên lai thu số 0001267 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông V, bà O và ông D – Chủ DNTN D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh